TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **95**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27/6/2018
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
-*Thẩm phán, Chủ toạ phiên toà:* Bà Lê Thị Hồng Vân.
-*Các Hội thẩm nhân dân:*
1/Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh;
2/Ông Võ Hoàng Thu.
Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh *tham gia phiên tòa:* Bà Phan Mỹ Dung -Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/6/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Chánh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 598/2018/TLST-HNGĐ ngày 28/5/2018 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 254/2018/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lưu Thị Kim L, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp 2, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Huỳnh Thanh D, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp 2, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] -*Trong quá trình tố tụng tại Tòa án, Nguyên đơn Bà Lưu Thị Kim L trình bày:*

Bà Lưu Thị Kim L và ông Huỳnh Thanh D bắt đầu chung sống với nhau vào năm 1989, có tổ chức đám cưới nhưng do không am hiểu pháp luật nên không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống từ 1989 đến nay, bà và ông Huỳnh Thanh D có 04 người con lần lượt là: Huỳnh Thị Kim N (nữ), sinh năm 1990 (đã thành niên), Huỳnh Thanh T (nam), sinh năm 1992 (đã thành niên), Huỳnh Thanh T1 (nam), sinh ngày 18/6/2001 và Huỳnh Thanh T2 (nam), sinh ngày 18/6/2001.

Nay, cuộc sống hôn nhân ngày càng lạnh nhạt và bà với ông Huỳnh Thanh D không còn quan tâm yêu thương nhau nên nay bà yêu cầu Tòa án cho bà Ly hôn với ông Huỳnh Thanh D.

Về con chung: 02 trẻ đã trưởng thành là Huỳnh Thị Kim N (nữ), sinh năm 1990 (đã thành niên), Huỳnh Thanh T (nam), sinh năm 1992 (đã thành niên) thì bà không yêu

cầu Tòa án giải quyết. Đối với hai trẻ Huỳnh Thanh T1 (nam), sinh ngày 18/6/2001 và Huỳnh Thanh T2 (nam), sinh ngày 18/6/2001 thì hiện nay đang sống cùng bà và Bà đề nghị Tòa án giao quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục 02 trẻ này cho bà. Bà không yêu cầu ông Huỳnh Thanh D cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lưu Thị Kim L xác định các con của bà đầy đủ năng lực hành vi dân sự và đủ khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] -*Trong quá trình tố tụng tại Tòa án, Bị đơn ông Huỳnh Thanh D trình bày:* ông Huỳnh Thanh D và bà L bắt đầu chung sống với nhau vào năm 1989, có tổ chức đám cưới nhưng do không am hiểu pháp luật nên không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống từ 1989 đến nay, bà và ông D có 04 người con lần lượt là: Huỳnh Thị Kim N (nữ), sinh năm 1990 (đã thành niên), Huỳnh Thanh T (nam), sinh năm 1992 (đã thành niên), Huỳnh Thanh T1 (nam), sinh ngày 18/6/2001 và Huỳnh Thanh T2 (nam), sinh ngày 18/6/2001.

Nay, cuộc sống hôn nhân ngày càng lạnh nhạt và bà L với ông D không còn quan tâm yêu thương nhau nên nay ông đồng ý yêu cầu của bà L về việc yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho bà L và ông D.

Về con chung: 02 trẻ đã trưởng thành là Huỳnh Thị Kim N (nữ), sinh năm 1990 (đã thành niên), Huỳnh Thanh T (nam), sinh năm 1992 (đã thành niên) thì bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với hai trẻ Huỳnh Thanh T1 (nam), sinh ngày 18/6/2001 và Huỳnh Thanh T2 (nam), sinh ngày 18/6/2001 thì hiện nay đang sống cùng bà L. Ông D đồng ý giao quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục 02 trẻ này cho bà L. Bà L không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nên ông cũng đồng ý. Ông D xác định các con của ông đầy đủ năng lực hành vi dân sự và đủ khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hai trẻ Huỳnh Thanh T1 (nam), sinh ngày 18/6/2001 và Huỳnh Thanh T2 (nam), sinh ngày 18/6/2001: Có lời trình bày tại bản ghi nguyện vọng mong muốn được ở cùng bà L.

Tại phiên tòa,

-*Nguyên đơn-bà Lưu Thị Kim L*: giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và đề nghị Tòa án nhanh chóng giải quyết cho bà không phải sống chung với ông D nữa vì ông D đánh đập bà, nhậu nhẹt, không lo vợ con còn chửi mắng bà thậm tệ. Tình cảm của bà không còn luyến tiếc gì, bà chỉ mong được an nhàn và tĩnh tâm lo các con.

-*Bị đơn –ông Huỳnh Thanh D* đề nghị Tòa án cho các con ông được phép vào dự phiên tòa để các con nghe được rõ lý do ly hôn của cha mẹ. Đối với yêu cầu ly hôn của bà L, ông đồng ý ly hôn. Đồng ý giao con chung chưa thành niên cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông cũng không cấp dưỡng nuôi con vì các con ông đã lớn và đều đi làm, có thu

nhập ổn định. Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông đề nghị bà L hỗ trợ cho ông số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) để ông tạo chổ ở mới khi ra riêng.

- Nguyên đơn-bà Lưu Thị Kim L: Đồng ý hỗ trợ cho ông D 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) để ông D tạo chổ ở mới khi ra riêng. Thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến tại phiên họp:

-Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật; Đương sự chấp hành theo đúng quy định pháp luật.

-Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận T1 bộ yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, cụ thể:Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lưu Thị Kim L và ông Huỳnh Thanh D; giao hai con chung T2, T1 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, Bà L chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh về việc chấp hành pháp luật tố tụng và nội dung của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]-*Thẩm quyền loại việc, Thẩm quyền lãnh thổ* :

Bà Lưu Thị Kim L có đơn khởi kiện về việc "Ly hôn" với ông Huỳnh Thanh D, hai bên không có đăng ký kết hôn nhưng đã sống chung từ năm 1989. Do đó, căn cứ vào thuộc khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 thuộc trường hợp tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Về nội dung:

[1]-*Về quan hệ hôn nhân:*

+Hội đồng xét xử xét thấy trình bày của ông Huỳnh Thanh D và bà Lưu Thị Kim L về thời gian bắt đầu chung sống như vợ chồng từ 1989 với minh chứng là người con đầu lòng sinh năm 1990 (Huỳnh Thị Kim N) cho đến ngày 01/01/2001 (ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực) mà vẫn chưa đăng ký kết hôn dù đầy đủ các điều kiện để kết hôn. Căn cứ theo Nghị định 77/2001/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2001 quy định chi tiết về Đăng ký kết hôn theo Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình thì thời hạn pháp luật tạo điều kiện để thực hiện việc kết hôn đến hết ngày 01/01/2003 nhưng hai bên vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn.

+Xét quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và khoản 2 Điều 2 Nghị định 77/NĐ-CP ngày 22/10/2001 thì có đủ cơ sở không công nhận quan hệ giữa bà Lưu Thị Kim L và ông Huỳnh Thanh D là vợ chồng.

[2]-*Về con chung*: Xét thấy ông D, bà L thừa nhận có 04 con chung và cùng thỏa thuận về việc giao 02 con chung chưa thành niên cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng; Bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Thỏa thuận này không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3]-*Về tài sản chung, nợ chung*: Ghi nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự về vấn đề tài sản chung và nợ chung.

[4]-*Về khoản hỗ trợ* cho ông D tìm nơi ở riêng sau khi ly hôn: Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của bà L cho ông D số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) để tìm nơi ở mới.

[5]-*Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:*

- Bà Lưu Thị Kim L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản tiền hỗ trợ thuộc trường hợp không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng của khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 9, 11, 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng khoản 2 Điều 2 Nghị định 77/2001/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2001 quy định chi tiết về Đăng ký kết hôn theo Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Cụ thể:

+Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lưu Thị Kim L và ông Huỳnh Thanh D.

+Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc hỗ trợ 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) để ông D tạo chổ ở mới khi ly hôn. Thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Huỳnh Thanh D, nếu bà Lưu Thị Kim L không thực hiện số tiền hỗ trợ thì bà L còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại 357 trên phần chưa thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành.

+Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về con chung: Giao hai trẻ Huỳnh Thanh T1 (nam), sinh ngày 18/6/2001 và Huỳnh Thanh T2 (nam), sinh ngày 18/6/2001 cho bà L trực tiếp dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Đối với 02 con chung đã trưởng thành là Huỳnh Thị Kim N (nữ), sinh năm 1990 (đã thành niên), Huỳnh Thanh T (nam), sinh năm 1992 (đã thành niên), nên không xem xét giải quyết.

+Về cấp dưỡng:Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định

tại khoản 5 Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

+Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

+Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+Về án phí: Bà Lưu Thị Kim L chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng được cấn trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo Biên lai thu số AA/2018/0005025 ngày 15/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Án phí thi hành xong.

Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (1);
-Viện kiểm sát nhân dân H.BC (2);
-Chi Cục Thi hành án dân sự H.BC (1);
-Các đương sự (4);
-Lưu VP (3), HSVA (2);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Vân